

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HS-PT
Ngày: 12-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2026/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Lê Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2026/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thị H**, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số E, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 083174003306; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Huỳnh Thị N (đã chết); chồng: Nguyễn Văn P, sinh năm 1978; con: có 01 con sinh năm 1996; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Nguyễn Thị M - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 24/01/2026, bị cáo Lê Thị H điều khiển xe mô tô biển số 71C4 - 308.20 lưu thông trên Quốc lộ E từ nơi làm thuê thuộc xã V, tỉnh Vĩnh Long để về nhà ở xã C, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến ngã ba lộ B thuộc ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long thì H dừng xe lại để mua cá do một người đàn ông (không xác định được nhân thân lai lịch) bán ở ven đường; cùng lúc này có bà Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 15/6/1948, cư trú tại ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long cũng điều khiển xe đạp đi đến mua

cá. Khi bà Á lấy tiền từ túi nhựa màu xanh ra trả tiền mua cá thì H nhìn thấy nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Á. Sau khi trả tiền và nhận tiền thừa hoàn lại xong, bà Á cất tiền vào trong túi nhựa màu xanh để vào rổ xe đạp phía trước rồi điều khiển xe đạp lưu thông trên Quốc lộ E để về nhà. H điều khiển xe mô tô đi theo, khi đến khu vực nghĩa trang L1 thuộc ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long thì H kêu bà Á dừng xe lại để nói chuyện, cả hai nói chuyện khoảng 01 phút, H nói với bà Á là ông chủ bán cá hoàn lại tiền thừa nhằm tiền và kêu bà Á đưa tiền cho kiểm tra xem. Nghe H nói vậy, bà Á lấy túi nhựa đựng tiền ra kiểm tra đủ số tiền thừa hoàn lại là 320.000 đồng nên cất lại tiền vào túi nhựa để lại vào rổ xe đạp. Lúc này H nhanh chóng dùng tay trái giật lấy túi nhựa màu xanh, bên trong có số tiền là 1.479.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8, 01 cái bóp da có hoa văn màu trắng nâu, 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Ngọc Á và 01 hợp đồng cầm cố tài sản (hợp đồng cầm đồ) số 1715/HĐCĐ của tiệm V rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát về nhà, đem tài sản cất vào tủ quần áo. Sau đó bà Á đến trình báo với cơ quan Công an toàn bộ vụ việc. Qua trích xuất camera của những hộ dân gần hiện trường xảy ra vụ việc, cơ quan Công an đã mời Lê Thị H đến làm việc, H đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản và giao nộp tất cả các tài sản, đồ vật đã chiếm đoạt cho cơ quan Công an để tiến hành xử lý.

* Bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐDGTS ngày 10/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã C, tỉnh Vĩnh Long kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE, kiểu máy IPHONE 8, màu đỏ, số máy NRRY2LL/A, số sê ri C8PWT86LJWF9, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng trong suốt (đã qua sử dụng) có giá trị là: 1.633.333 đồng.

- 01 cái bóp da có hoa văn màu trắng, nâu, loại có khóa kéo bên trong (đã qua sử dụng) có giá trị là: 10.000 đồng.

- 01 túi nylon màu xanh, có kích thước dài 35cm, cao 35cm, mặt bên ngoài có chữ TINHAUSE (đã qua sử dụng) có giá trị là: 1.000 đồng.

Tổng cộng là: 1.644.333 đồng.

* Kết luận giám định số: 160/2026/KL-KTHS-KV2 ngày 31/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận:

- Qua giám định nội dung hình ảnh của 01 tập tin video gửi giám định (ký hiệu A): Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa.

- Mô tả đặc điểm phương tiện, đồ vật, mũ bảo hiểm, áo, quần và động tác của hai hình ảnh người xuất hiện trong nội dung hình ảnh của tập tin video gửi giám định (ký hiệu A), theo nội dung yêu cầu giám định nêu tại III.2: Chi tiết được thể hiện trong bản ảnh kèm theo kết luận giám định.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản ảnh giám định gồm 03 trang giấy A4.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2026/HS-ST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 08/6//2026, bị cáo Lê Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 11/8/2026, người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung đề ngày 05/8/2026 của bị cáo Lê Thị H bổ sung nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thị H thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Đồng ý về tội danh của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo, bị cáo nộp thêm tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có nhiều bệnh lý, thành tích công tác tốt của con bị cáo là Giáo viên, hiện tại bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt pháp luật tại địa phương, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ; nếu bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được tháng nào hay tháng nấy trước khi cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo

hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu không được chấp nhận thì xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài nên vào khoảng 09 giờ ngày 24/01/2026, tại ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Lê Thị H đã thực hiện hành vi dùng tay giật lấy tài sản của bà Trần Thị Ngọc Á rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản chiếm đoạt gồm: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8, màu đỏ, có giá trị là 1.633.333 đồng; 01 cái ví (bóp) da có hoa văn màu trắng, nâu, loại có khóa kéo bên trong, có giá trị là 10.000 đồng; 01 túi nylon màu xanh, bên ngoài có chữ TINHAUSE, có giá trị là 1.000 đồng; và tiền Việt Nam là 1.479.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo H đã chiếm đoạt của bà Trần Thị Ngọc Á là: 3.123.333 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; xuất phát từ động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi dùng tay giật lấy tài sản của bà Trần Thị Ngọc Á rồi nhanh chóng tẩu thoát, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 3.123.333 đồng; hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội đối với bị hại là người từ đủ 70 tuổi trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xuất phát từ động cơ vụ lợi và mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành vi giật lấy tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 3.123.333 đồng. Bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo có bệnh hở (van) hai lá, giãn tĩnh mạch chi dưới không loét hoặc viêm; bệnh tăng huyết áp vô căn; thoái hóa khớp gối phải, gai xương bánh chè phải và thành tích công tác tốt của con bị cáo là Giáo viên, bị hại tiếp tục có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, hoặc cải tạo không giam giữ, hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng

hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Thị H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 35/2026/HS-ST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long (3b);
- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 6 – Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Chợ Lách, Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người bào chữa (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông